

Bản án số: 22/2022/DSST.

Ngày: 30-3-2022.

V/v: “Kiện tranh chấp HĐ
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ánh Sửu.

2. Ông Hoàng Tuyển.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30/3/2022 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 08/2022/TLST-DS, ngày 11/01/2022, về việc “Kiện tranh chấp HĐ vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐST-DS ngày 14/3/2022 giữa:

Nguyên đơn: Ông Vũ Quang Tr, sinh năm 1966. Có mặt.

Địa chỉ: Buôn H 2, xã E, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Hồ Thị T (tên gọi khác: Cô N), sinh năm 1958. Có mặt.

Địa chỉ: Buôn H 2, xã E, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Tr là nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/01/2017 ông Tr có cho bà T vay số tiền 157.588.000 đồng, hai bên có làm giấy vay tiền và thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ trong vòng 2 năm (tức là vào ngày 15/01/2019), ông Tr đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng cho đến nay bà T vẫn chưa trả nợ cho ông Tr. Nay ông Tr yêu cầu bà T phải trả số tiền còn nợ là 157.588.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ông Tr không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T là bị đơn trình bày:

Trước năm 2017 bà T có vay của ông Tr số tiền 52.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng, ngày 15/01/2017 bà T thừa nhận có ký giấy nợ ông Tr số tiền 157.588.000 đồng là do ông Tr cộng cả nợ gốc và tính lãi, trong giấy nợ thỏa thuận lãi 1,5%/tháng và hẹn trả nợ trong vòng 2 năm.

Nay ông Tr khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 157.588.000 đồng, vì không có khả năng trả nợ cho ông Tr nên bà T xin ông Tr 57.588.000 đồng, số tiền còn lại 100.000.000 đồng bà T hẹn trả mỗi năm 10.000.000 đồng.

Trường hợp ông Tr không đồng ý thì bà T vẫn đồng ý trả cho ông Tr số tiền 157.588.000 đồng, nhưng hiện tại bà T không có khả năng trả nợ cho ông Tr. Ông Tr yêu cầu tính lãi suất, nhưng bà T xin không trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc ông Vũ Quang Tr khởi kiện bà Hồ Thị T tại Tòa án và Tòa án thụ lý giải quyết về tranh chấp HĐ vay tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà T thừa nhận có ký giấy xác nhận nợ ông Tr 157.588.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ trong vòng 2 năm (tức là vào ngày 15/01/2019). Do điều kiện, kinh tế gặp khó khăn nên bà T chưa có tiền trả nợ cho ông Tr. Nay bà T xin ông Tr 57.588.000 đồng, số tiền còn lại 100.000.000 đồng bà T hẹn trả mỗi năm 10.000.000 đồng. Trường hợp ông Tr không đồng ý thì bà T vẫn đồng ý trả cho ông Tr số tiền 157.588.000 đồng, nhưng hiện tại bà T không có khả năng trả nợ cho ông Tr, nhưng ông Tr không đồng ý.

Về lãi suất: Ông Tr yêu cầu tính lãi suất, nhưng bà T xin không trả lãi.

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 15/01/2017 do ông Tr cung cấp và trong quá trình giải quyết vụ án bà T cũng đã thừa nhận có ký xác nhận nợ ông Tr 157.588.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả nợ cho ông Tr. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định, ngày 15/01/2017 ông Tr cho bà T vay số tiền 157.588.000 đồng, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên đã xác lập “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả nợ nhưng bà T không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông Tr là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại giấy nợ ghi ngày 15/01/2017, thời hạn trả nợ trong vòng 2 năm (tức vào ngày 15/01/2019), thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng (tương ứng với 18%/năm) theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá 20%/năm, nên cần chấp nhận mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là

18%/năm, tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, lãi suất tính như sau:

Lãi suất trong hạn:

Từ ngày 15/01/2017 đến ngày 15/01/2019) là 02 năm (730 ngày), cụ thể: $[(157.588.000 \text{ đồng} \times 18\%) \times 730 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} = 56.731.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Lãi suất quá hạn:

Từ ngày 16/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/3/2022) là 03 năm 02 tháng 14 ngày (1.169 ngày), cụ thể: $[(157.588.000 \text{ đồng} \times 18\%) \times 1.169 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} \times 150\% = 136.272.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Lãi suất chậm trả:

Từ ngày 16/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/3/2022) là 03 năm 02 tháng 14 ngày (1.169 ngày), cụ thể: $[(56.731.000 \text{ đồng} \times 10\%) \times 1.169 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} = 18.169.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Tổng cộng lãi suất là $(56.731.000 \text{ đồng} + 136.272.000 \text{ đồng} + 18.169.000 \text{ đồng}) = 211.172.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi suất là $(157.588.000 \text{ đồng tiền nợ gốc} + 211.172.000 \text{ đồng tiền nợ lãi}) = 368.760.000 \text{ đồng}$.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Tr được chấp nhận, nên bà T phải chịu tiền án phí DSST. Bà T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Trả lại cho ông Tr tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quang Tr.

Buộc bà Hồ Thị T trả cho ông Vũ Quang Tr 368.760.000 đồng (ba trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó, nợ gốc là 157.588.000 đồng và 211.172.000 đồng tiền nợ lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho ông Vũ Quang Tr 3.940.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2021/0000647 ngày 06/01/2022.

Bà Hồ Thị T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ